

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010 | 13 - 26 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 6 số 0500555916 ngày 25 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000640 cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007).

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 06 ngày 25 tháng 5 năm 2010 là: 40.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn góp điều lệ:

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | 20.400.000.000 | 51,0 |
| Phạm Minh Hùng | 2.000.000.000 | 5,0 |
| Phạm Trí Dũng | 81.000.000 | 0,2 |
| Các cổ đông khác | 17.519.000.000 | 43,8 |
| Cộng | 40.000.000.000 | 100 |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0433 601 860
Fax : 0433 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ, đồ gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng; mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh Bất động sản.

120
CHỈ
CỔ
PH
TOA
HÀ
Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính năm.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|----------------------|---------------------|
| Ông Phạm Trí Dũng | Chủ tịch | 22 tháng 4 năm 2010 | |
| Ông Hồ Xuân Năng | Chủ tịch | 22 tháng 01 năm 2007 | 22 tháng 4 năm 2010 |
| Ông Phùng Văn Toàn | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2008 | |
| Ông Phạm Minh Hùng | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2008 | |
| Ông Lưu Công An | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2008 | |
| Ông Nguyễn Hữu Chương | Thành viên | 22 tháng 4 năm 2010 | |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|--------------|----------------------|---------------------|
| Ông Phạm Trí Dũng | Giám đốc | 22 tháng 4 năm 2010 | |
| Ông Lưu Công An | Giám đốc | 18 tháng 10 năm 2009 | 22 tháng 4 năm 2010 |
| Ông Ninh Quốc Cường | Phó Giám đốc | 18 tháng 10 năm 2009 | |
| Ông Phạm Minh Hùng | Phó Giám đốc | 01 tháng 6 năm 2009 | |
| Ông Phùng Văn Toàn | Phó Giám đốc | 18 tháng 10 năm 2009 | |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------|
| Ông Lương Xuân Mẫn | Trưởng ban | 26 tháng 6 năm 2008 |
| Ông Trịnh Quốc Hùng | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2008 |
| Bà Nguyễn Phương Thúy | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2008 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

300
NHÂN
NG TỶ
EM HỮ
V VÀ T
AI
NỘ
1-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Trí Dũng

Ngày 25 tháng 02 năm 2011 *pe*

31
UH
UV
H



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 21/2011/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số IV.11 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc áp dụng chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (36.752.651) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí nếu áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kiểm toán viên

Lê Xuân Bách

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1305/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 16.434.728.784 | 9.606.554.480 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.189.380.166 | 1.076.755.324 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.189.380.166 | 1.076.755.324 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 4.500.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | - | 4.500.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.402.164.305 | 2.019.188.398 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 5.778.891.089 | 1.986.534.536 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 610.853.253 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 12.419.963 | 32.653.862 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 7.338.346.069 | 1.598.595.657 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 7.338.346.069 | 1.598.595.657 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 504.838.244 | 412.015.101 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 74.430.577 | 77.010.292 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 254.117.385 | 230.184.959 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.8 | 176.290.282 | 104.819.850 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 36.110.952.713 | 33.452.992.973 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 34.634.455.527 | 31.626.239.914 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 34.543.775.018 | 31.610.639.914 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 41.971.048.504 | 35.272.585.895 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (7.427.273.486) | (3.661.945.981) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 12.000.000 | 15.600.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 18.000.000 | 18.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (6.000.000) | (2.400.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 78.680.509 | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.476.497.186 | 1.826.753.059 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 1.476.497.186 | 1.826.753.059 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 52.545.681.497 | 43.059.547.453 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 7.412.756.059 | 3.588.129.632 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.652.080.059 | 1.252.211.432 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.13 | 704.270.400 | 667.405.200 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.14 | 3.740.209.815 | 451.636.284 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.15 | 99.850.000 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.16 | 589.971.067 | 13.033.998 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 267.649.920 | 115.843.437 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 250.128.857 | 4.292.513 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | - | - |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.760.676.000 | 2.335.918.200 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.18 | 1.760.676.000 | 2.335.918.200 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 45.132.925.438 | 39.471.417.821 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 45.132.925.438 | 39.471.417.821 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | (36.752.651) | (82.769.528) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 5.169.678.089 | (445.812.651) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 52.545.681.497 | 43.059.547.453 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|-------------|------------|
| | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 2,00 | 2,00 |
| Euro (EUR) | | 24,50 | 32,00 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Phạm Trí Dũng

03
11
08
NH
ĐÁ
T
HÀ
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|----------------------|---------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 29.442.017.229 | 9.746.456.057 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 29.442.017.229 | 9.746.456.057 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 19.494.444.071 | 6.758.732.983 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 9.947.573.158 | 2.987.723.074 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 328.764.739 | 92.776.966 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 411.893.402 | 321.077.894 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 182.948.044 | 191.798.155 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 921.172.542 | 283.987.308 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 3.360.810.287 | 2.536.147.909 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.582.461.666 | (60.713.071) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 977.720.703 | 72.589.343 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 210.201.417 | 11.876.272 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 767.519.286 | 60.713.071 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.349.980.952 | - |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 734.490.212 | 19.927.726 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>5.615.490.740</u> | <u>(19.927.726)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>1.404</u> | <u>(6)</u> |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011



Giám đốc

Phạm Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-------------------|------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 6.349.980.952 | - |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.768.927.505 | 3.441.307.661 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 92.163.000 | 82.510.502 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (302.268.528) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 182.948.044 | 191.798.155 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 10.091.750.973 | 3.715.616.318 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (4.450.290.449) | 511.901.944 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (5.739.750.412) | (641.439.553) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 3.773.566.870 | (1.745.495.827) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 352.835.588 | (1.131.030.905) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (182.948.044) | (191.798.155) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (177.718.236) | (13.927.726) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 85.605.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (130.693.316) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 3.622.357.974 | 503.826.096 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.698.462.609) | (7.296.057.729) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (4.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 4.500.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 319.268.528 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (1.879.194.081) | (11.796.057.729) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | - | 10.000.000.000 | |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 750.000.000 | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (630.651.600) | (1.054.985.177) | |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | (630.651.600) | 9.695.014.823 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 1.112.512.293 | (1.597.216.810) | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1.076.755.324 | 2.673.860.964 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 112.549 | 111.170 | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 2.189.380.166 | 1.076.755.324 |

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Phạm Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Gia công, chế tác đá
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 121 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 65 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 11 |
| Máy móc và thiết bị | 08 - 11 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là trong kỳ thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là cơ sở kinh doanh mới được thành lập năm 2007, có dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ: được hưởng thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm đầu kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động; được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 và 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2010).

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 24.884,22 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán đá chế tác

Doanh thu bán đá chế tác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu xây dựng

Các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 1.713.244.131 | 341.408.833 |
| Tiền gửi ngân hàng | 476.136.035 | 735.346.491 |
| Cộng | <u>2.189.380.166</u> | <u>1.076.755.324</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------|--------------------|-------------------|
| Cho vay ngắn hạn | - | 4.500.000.000 |

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Hóa dầu quân đội | 1.865.550.960 | - |
| Công ty TNHH KUKBO VINA | 1.643.335.038 | - |
| Công ty TNHH Thiết kế ZIOVI | 520.627.860 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội | 388.136.320 | - |
| Công ty TNHH Thu Anh | 213.717.050 | 345.053.100 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Nam Sơn | 167.302.500 | - |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng và Thương mại quốc tế | 112.715.760 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuân Lâm | 93.690.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng | 92.665.226 | 278.357.876 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thiết kế AAW | 83.891.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Dịch vụ Việt Nhật | 61.875.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đại Quang | 54.647.420 | 82.996.420 |
| Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | - | 846.153.839 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nội thất TCT | - | 104.115.465 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại TTT | - | 61.545.318 |
| Khách hàng khác | 480.736.955 | 268.312.518 |
| Cộng | <u>5.778.891.089</u> | <u>1.986.534.536</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|-------------------|
| Các nhà cung cấp hoạt động SXKD | 62.592.216 | - |
| Các nhà cung cấp hoạt động đầu tư | 548.261.037 | - |
| Cộng | <u>610.853.253</u> | <u>-</u> |

33
NH
HIỆ
JÁN
T
À
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Lãi cho vay | - | 17.000.000 |
| Phải thu tiền BH thất nghiệp của CBCNV | - | 9.653.862 |
| Phải thu tiền bồi thường thiệt hại | - | 6.000.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân phải thu | 12.419.963 | - |
| Cộng | <u>12.419.963</u> | <u>32.653.862</u> |

6. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.027.872.700 | 205.113.056 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.359.744.153 | 1.151.522.742 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.350.209.155 | 241.959.859 |
| Thành phẩm | 600.520.061 | - |
| Cộng | <u>7.338.346.069</u> | <u>1.598.595.657</u> |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 57.140.472 | 73.520.875 |
| Phí bảo hiểm xe ô tô | 9.339.791 | 3.489.417 |
| Chi phí trả trước khác | 7.950.314 | - |
| Cộng | <u>74.430.577</u> | <u>77.010.292</u> |

8. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tạm ứng | 131.201.966 | 104.819.850 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 45.088.316 | - |
| Cộng | <u>176.290.282</u> | <u>104.819.850</u> |

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 21.440.480.055 | 11.859.207.507 | 1.868.901.512 | 103.996.821 | 35.272.585.895 |
| Tăng trong năm | 6.676.702.609 | - | - | 21.760.000 | 6.698.462.609 |
| Mua sắm mới | - | - | - | 21.760.000 | 21.760.000 |
| XDCB hoàn thành | 6.676.702.609 | - | - | - | 6.676.702.609 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>28.117.182.664</u> | <u>11.859.207.507</u> | <u>1.868.901.512</u> | <u>125.756.821</u> | <u>41.971.048.504</u> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 1.876.134.484 | 1.467.863.562 | 285.420.540 | 32.527.395 | 3.661.945.981 |
| Khấu hao trong năm | 2.071.866.360 | 1.425.720.288 | 247.033.596 | 20.707.261 | 3.765.327.505 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>3.948.000.844</u> | <u>2.893.583.850</u> | <u>532.454.136</u> | <u>53.234.656</u> | <u>7.427.273.486</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 19.564.345.571 | 10.391.343.945 | 1.583.480.972 | 71.469.426 | 31.610.639.914 |
| Số cuối năm | <u>24.169.181.820</u> | <u>8.965.623.657</u> | <u>1.336.447.376</u> | <u>72.522.165</u> | <u>34.543.775.018</u> |

013
ANH
TY
HỮU
HÀ TỬ
HỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.309.961.073 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 18.000.000 | 2.400.000 | 15.600.000 |
| Tăng trong năm | - | 3.600.000 | (3.600.000) |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 18.000.000 | 6.000.000 | 12.000.000 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------|
| <i>Mua sắm TSCĐ</i> | - | - | - | - |
| <i>XDCB dở dang</i> | - | 6.755.383.118 | 6.676.702.609 | 78.680.509 |
| Nhà xưởng chính số 2 | - | 6.676.702.609 | 6.676.702.609 | - |
| Hệ thống thông gió | - | 23.458.491 | - | 23.458.491 |
| Lắp đặt khung nhà để xe | - | 1.614.452 | - | 1.614.452 |
| Khung mái che xưởng mộc | - | 51.490.246 | - | 51.490.246 |
| Máy mài 4 đầu | - | 2.117.320 | - | 2.117.320 |
| Cộng | - | 6.755.383.118 | 6.676.702.609 | 78.680.509 |

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Chi phí thành lập doanh nghiệp | 6.325.000 | - | 3.300.000 | 3.025.000 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 468.444.381 | 132.311.057 | 373.589.712 | 227.165.726 |
| Hệ thống cáp ngầm | 148.512.705 | - | 24.752.124 | 123.760.581 |
| Tiền thuê đất | 1.138.416.667 | - | 241.000.000 | 897.416.667 |
| Chi phí đổ đất trồng cây | 65.054.306 | - | 11.152.164 | 53.902.142 |
| Cải tạo sân trước nhà điều hành | - | 27.913.636 | 5.117.497 | 22.796.139 |
| Vách ngăn nhà điều hành | - | 13.544.545 | 3.023.336 | 10.521.209 |
| Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô | - | 141.850.000 | 3.940.278 | 137.909.722 |
| Cộng | 1.826.753.059 | 315.619.238 | 665.875.111 | 1.476.497.186 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vay và nợ ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Là vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | 704.270.400 | 667.405.200 |
| Chi tiết về số phát sinh vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 667.405.200 | - |
| Số tiền vay phát sinh | - | 750.000.000 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 667.405.200 | 667.405.200 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện tại ngày 31/12/2010 | 36.865.200 | - |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (630.651.600) | (750.000.000) |
| Giảm khác (kết chuyển lại CLTG do đánh giá CLTG cuối năm 31/12/2009) | (36.753.600) | - |
| Số cuối năm | <u>704.270.400</u> | <u>667.405.200</u> |

14. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Phải trả nhà cung cấp hoạt động SXKD | 2.940.400.416 | 60.979.918 |
| Phải trả nhà cung cấp hoạt động đầu tư | 799.809.399 | 390.656.366 |
| Cộng | <u>3.740.209.815</u> | <u>451.636.284</u> |

15. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Nam Hoàng Hà | 52.000.000 | - |
| Công ty TNHH LIVART VINA | 47.850.000 | - |
| Cộng | <u>99.850.000</u> | <u>-</u> |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 386.200.113 | 386.200.113 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 27.927.099 | 27.927.099 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 9.213.023 | 53.966.681 | 37.314.099 | 25.865.605 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 734.490.212 | 177.718.236 | 556.771.976 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.820.975 | 54.778.682 | 51.266.171 | 7.333.486 |
| Các loại thuế khác, thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | <u>13.033.998</u> | <u>1.260.362.787</u> | <u>683.425.718</u> | <u>589.971.067</u> |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.11

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|---------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.349.980.952 ✓ | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 38.497.305 | (62.558.645) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 38.497.305 | 127.658.555 |
| + Chi phí khấu hao không hợp lệ | 22.363.538 | 22.363.538 |
| + Các khoản chi phí không hợp lệ khác | 16.133.767 | 105.295.017 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | (190.217.200) |
| + Chênh lệch tỷ giá đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2008 nhưng chưa khấu trừ thuế | - | (154.165.607) |
| + Chi phí CCDC đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2008 chưa khấu trừ thuế | - | (36.051.593) |
| Thu nhập chịu thuế | 6.388.478.257 | (62.558.645) |
| Lỗ các năm trước được chuyển | (62.558.645) ✓ | - |
| Thu nhập chịu thuế | 6.325.919.612 | (62.558.645) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (25%) | 679.321.671 ✓ | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (1) | 169.830.418 | - |
| Thu nhập chịu thuế TNDN do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông (20% x 50%) | 5.646.597.941 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (2) | 564.659.794 ✓ | - |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước (3) | - | 19.927.726 |
| Tổng thuế TNDN phải nộp (1)+(2)+(3) | 734.490.212 | 19.927.726 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Kinh phí công đoàn | 6.801.030 | 3.092.087 |
| Bảo hiểm xã hội | 234.788.235 | 1.200.426 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 6.424.876 | - |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 2.114.716 | - |
| Cộng | 250.128.857 | 4.292.513 |

18. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây | 1.760.676.000 | 2.335.918.200 |

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 26.400.000.000 đồng với mục đích là xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25 tháng 9 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.335.918.200 | 3.142.917.377 |
| Số tiền vay phát sinh | - | - |
| Tăng khác (do đánh lại chênh lệch tỷ giá ngày 31/12/2010) | 92.163.000 | 165.391.200 |
| Số tiền vay đã trả | - | (304.985.177) |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | (667.405.200) | (667.405.200) |
| Số cuối năm | <u>1.760.676.000</u> | <u>2.335.918.200</u> |

19. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---|--|---|--|------------------------------|
| Số đầu năm trước | 30.000.000.000 | - | (425.884.925) | 29.574.115.075 |
| Tăng vốn năm trước | 10.000.000.000 | - | - | 10.000.000.000 |
| Chênh lệch tỷ giá năm trước | - | (82.769.528) | - | 82.769.528 |
| Lợi nhuận năm trước | - | - | (19.927.726) | 19.927.726 |
| Số dư cuối năm trước | <u>40.000.000.000</u> | <u>(82.769.528)</u> | <u>(445.812.651)</u> | <u>39.471.417.821</u> |
| Số dư đầu năm nay | 40.000.000.000 | (82.769.528) | (445.812.651) | 39.471.417.821 |
| Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá đánh giá lại | - | 36.642.430 | - | 36.642.430 |
| Phân bổ chênh lệch tỷ giá dài hạn | - | 46.127.098 | - | 46.127.098 |
| Chênh lệch tỷ giá cuối năm | - | (36.752.651) | - | (36.752.651) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 5.615.490.740 | 5.615.490.740 |
| Số dư cuối năm nay | <u>40.000.000.000</u> | <u>(36.752.651)</u> | <u>5.169.678.089</u> | <u>45.132.925.438</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.000.000 | 4.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.000.000 | 4.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 4.000.000 | 4.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 10.709.830.936 | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 9.240.229.326 | |
| Doanh thu bán sản phẩm đá chế tác | 9.491.956.967 | 9.746.456.057 |
| Cộng | <u>29.442.017.229</u> | <u>9.746.456.057</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 9.346.925.563 | |
| Giá vốn của dịch vụ chế tác | 4.279.588.154 | |
| Giá vốn sản phẩm đá chế tác | 5.867.930.354 | 6.758.732.983 |
| Cộng | <u>19.494.444.071</u> | <u>6.758.732.983</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 217.268.528 | 6.888.889 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 23.639.201 | 20.009.296 |
| Lãi tiền cho vay | 85.000.000 | 17.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2.857.010 | 48.878.781 |
| Cộng | <u>328.764.739</u> | <u>92.776.966</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 182.948.044 | 191.798.155 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 92.163.000 | 82.510.502 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 136.782.358 | 46.769.237 |
| Cộng | <u>411.893.402</u> | <u>321.077.894</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 656.482.791 | 125.832.391 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | - | 1.616.391 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 66.225.856 | 62.242.355 |
| Chi phí bảo hành | 2.001.835 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 102.429.943 | 59.288.867 |
| Chi phí bằng tiền khác | 94.032.117 | 35.007.304 |
| Cộng | <u>921.172.542</u> | <u>283.987.308</u> |

203
HIN
CON
NH
COAN
T
HA
DA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.752.900.664 | 1.047.323.655 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 12.171.719 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 174.961.885 | 178.893.733 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 577.664.791 | 549.729.632 |
| Thuế phí, lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 414.340.315 | 414.603.658 |
| Chi phí bằng tiền khác | 437.942.632 | 330.425.512 |
| Cộng | <u>3.360.810.287</u> | <u>2.536.147.909</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Thu nhập cho thuê TSCĐ | 956.517.984 | 61.148.182 |
| Thu nhập từ bán nê m gỗ, thanh gỗ | 21.202.719 | 10.442.000 |
| Thu nhập khác | - | 999.161 |
| Cộng | <u>977.720.703</u> | <u>72.589.343</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Khấu hao TSCĐ cho thuê | 194.067.450 | - |
| Chi phí khác | 16.133.967 | 11.876.272 |
| Cộng | <u>210.201.417</u> | <u>11.876.272</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 5.615.490.740 | (19.927.726) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 5.615.490.740 | (19.927.726) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 4.000.000 | 3.088.164 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.404</u> | <u>(6)</u> |

00
HÀ
T
M
H
V
A
H
N
C
-1-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền lương | 691.194.726 | 400.703.727 |
| Cộng | <u>691.194.726</u> | <u>400.703.727</u> |

Bên liên quan với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--------------------|
| Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | Công ty mẹ |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Mua đá ốp lát | 14.180.384.838 | 1.426.962.130 |
| Mua vật tư, thiết bị | 62.638.807 | 852.812 |
| Vay vốn lưu động | - | 750.000.000 |
| Lãi tiền vay phải trả | - | 20.979.200 |
| Trả triển vay vốn lưu động | - | 750.000.000 |
| Cho vay vốn lưu động | - | 4.500.000.000 |
| Lãi cho vay vốn phải thu | 85.000.000 | 17.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ gia công chế tác đá | 9.194.636.491 | 5.405.238.138 |
| Thu nhập từ bán vật tư, gia công nên gỗ, ballet sắt, giá trưng bày sản phẩm mẫu | 1.241.944.689 | 13.504.590 |
| Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng và máy móc | 949.245.256 | - |
| Thu nhập từ dịch vụ nhân công | - | 61.148.182 |
| Phải thu tiền thuê gian hàng hội chợ triển lãm | - | 16.636.364 |
| Thu tiền dịch vụ đã cung cấp | - | 2.100.000.000 |
| Bù trừ công nợ | 10.997.902.296 | 2.762.786.785 |
| Nhận vốn góp | - | 5.100.000.000 |
| Thu hồi vốn lưu động cho vay | 4.500.000.000 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công nợ với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ chế tác đá | - | 846.153.839 |
| Phải thu lãi cho vay ngắn hạn | - | 17.000.000 |
| Phải thu tiền cho vay ngắn hạn | - | 4.500.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | <u>-</u> | <u>5.363.153.839</u> |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Phải trả tiền nhập phiêu đá | 2.090.354.351 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>2.090.354.351</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn



Giám đốc

Phạm Trí Dũng

